

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Long Biên

2. Bà Bùi Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị X; sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn Y, xã T (nay là thị trấn V) huyện TT, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Anh T; sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn Y, xã T (nay là thị trấn V), huyện TT, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị X; vắng mặt anh T lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2020 và tại bản tự khai ngày 18 tháng 5 năm 2020 cũng như tại phiên tòa, chị Bùi Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/7/2014 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T (nay là thị trấn V), huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, xích mích lẫn nhau vì thế cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Bên cạnh đó, anh T còn không có trách nhiệm cùng chị

vun vén, chăm lo cho gia đình mà đùn đẩy hết mọi công việc trong nhà cho một mình chị lo toan, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải, cố gắng chịu đựng nhưng anh T không chịu thay đổi mà thường xuyên bỏ mặc gia đình vợ, con. Do mâu thuẫn trầm trọng và không thể chịu đựng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 03/2020, từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân, không ai quan tâm ai. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể níu kéo được nữa vì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn.

- Về con chung: Chị và anh Lê Anh T có 01 con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 19/10/2014. Khi ly hôn, chị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh. Chị X tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Lê Anh T nhưng anh T không có ý kiến gì. Tòa án cũng đã triệu tập anh T hai lần để nộp bản tự khai nhưng anh T đều vắng mặt nên không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã không tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị X được ly hôn anh Lê Anh T. Giao cháu Lê Đức A, sinh ngày 19/10/2014 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Bùi Thị X và bị đơn là anh Lê Anh T, cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã T (Nay là thị trấn V), huyện TT, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do trong vụ án có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

Cũng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh T đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh Tuấn đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Anh Tuấn cũng đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị X và anh Lê Anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/7/2014 tại UBND xã T (nay là thị trấn V), huyện TT, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn của gia đình chị X, anh T đã được các cấp chính quyền thị trấn V xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù bị đơn là anh Lê Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến Tòa án để làm bản tự khai, tham gia hòa giải nhưng anh T đều không đến để làm bản tự khai nêu rõ quan điểm của mình, không tham gia các phiên hòa giải cũng như không có mặt tham gia phiên tòa, chứng tỏ anh T không còn tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân chị X cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nghĩ cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị X được ly hôn anh Lê Anh T.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị X và anh Lê Anh T có một con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 19/10/2014. Nguyên vọng của chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy, cháu A đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, chị X hiện tại có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Xét nguyện vọng của chị X là chính đáng, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị X, giao cháu Lê Đức A cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con trẻ là cần thiết; chị X tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, đây là sự tự nguyện của chị X nên có căn cứ chấp nhận. Anh T không là người trực tiếp nuôi con chung được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và các quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Chị X không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị X phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị X được ly hôn anh Lê Anh T.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Đức A, sinh ngày 19/10/2014 cho chị Xuyên trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị X phải chịu 300.000đ (*bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0002732 ngày 15/5/2020. Chị X đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị X, vắng mặt anh T. Chị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Vân Du;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Minh

